

Số: **103** /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **24** tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Về Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương,
tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng
trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 29 tháng 6 năm 2006;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh liên quan;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998 và Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003; Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước; Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định Về Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1759/2005/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2005 của UBND tỉnh Hà Tây, Quyết định số 169/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2006 của UBND thành phố Hà Nội (trước hợp nhất).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở và tương đương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã, các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Các Thành viên UBND Thành phố;
- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước TP;
- BHXH Thành phố;
- C/PVP UBND TP;
- Các phòng Chuyên viên, HCTC;
- Trung tâm Công báo, Cổng Giao tiếp điện tử TP;
- Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế & Đô thị;
- Lưu: VT, Sở Nội vụ (2b), Th. NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *nh*



QUY ĐỊNH

**Về Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công,
cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và lao động hợp đồng
trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **103** /2009/QĐ-UBND
ngày **24** /9/2009 của UBND Thành phố Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước; các tổ chức xã hội thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố Hà Nội;
2. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố Hà Nội và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước được cơ quan có thẩm quyền thuộc thành phố điều động biệt phái sang các tổ chức khác.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị của Nhà nước;
2. Bảo đảm sự thống nhất quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, tiền công, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

**Chương II
QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 3. Thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp, các hội thuộc thành phố

1. UBND Thành phố

- a) Xây dựng đề án thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã theo hướng dẫn của Chính phủ, trình HĐND Thành phố quyết định;
- b) Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố (gồm các sở và cơ quan tương đương sở); các chi cục và tương đương trực thuộc các sở trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành; hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các cơ

quan chuyên môn (gồm các phòng và cơ quan tương đương phòng), đơn vị sự nghiệp trực thuộc;

c) Quyết định thành lập, hợp nhất, chia tách, giải thể các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã (trừ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã);

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy; quyết định phân loại và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố;

đ) Quyết định thành lập, giải thể; phê duyệt quy chế làm việc của các tổ chức phối hợp liên ngành cấp thành phố như Ban chỉ đạo, Hội đồng tư vấn,... do cơ quan thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành soạn thảo;

e) Quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể; phê duyệt Điều lệ hoạt động của các Hội hoạt động trên địa bàn thành phố.

2. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố thực hiện quyết định của UBND Thành phố về quản lý tổ chức bộ máy;

b) Thẩm định hoặc xây dựng các đề án về tổ chức bộ máy được nêu tại khoản 1 điều này theo đề nghị của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quyết định của UBND Thành phố về công tác tổ chức bộ máy tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố

a) Xây dựng đề án về tổ chức bộ máy đối với đơn vị mình theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 điều này;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Nhà nước và của UBND Thành phố về tổ chức bộ máy đối với đơn vị mình;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của văn phòng, các phòng nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân trực thuộc đơn vị mình;

d) Hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo lĩnh vực thuộc phạm vi chuyên môn đơn vị mình quản lý;

đ) Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của đơn vị mình;

e) Giúp UBND Thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với các Hội hoạt động

trong lĩnh vực thuộc phạm vi chuyên môn đơn vị mình quản lý;

g) Trình UBND Thành phố quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập được phân cấp quản lý theo quy định pháp luật;

h) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn về quản lý nhà nước theo lĩnh vực thuộc phạm vi chuyên môn đơn vị mình quản lý.

4. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố

a) Xây dựng đề án về tổ chức bộ máy đối với đơn vị mình theo quy định tại điểm d khoản 1 điều này;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Nhà nước và của UBND Thành phố về tổ chức bộ máy đối với đơn vị mình;

c) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;

d) Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của đơn vị mình.

5. UBND các quận, huyện, thị xã

a) Xây dựng đề án về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn trực thuộc theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 điều này;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Nhà nước và UBND Thành phố về quản lý tổ chức bộ máy của UBND quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo hướng dẫn của UBND Thành phố;

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non theo quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND Thành phố (sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường trung học cơ sở và tiểu học), gửi 01 bản quyết định về Sở Nội vụ để tổng hợp, quản lý;

d) Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của đơn vị mình;

e) Quyết định thành lập, giải thể; phê duyệt quy chế làm việc của các tổ chức phối hợp liên ngành cấp mình như Ban chỉ đạo, Hội đồng tư vấn, v.v...

g) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị khác thuộc quyền quản lý của đơn vị mình.

Chương III

QUẢN LÝ BIÊN CHẾ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

Điều 4. Thẩm quyền quản lý biên chế, tiền lương, tiền công

1. UBND Thành phố

a) Trình HĐND Thành phố phê duyệt chỉ tiêu biên chế hành chính trước khi

báo cáo Bộ Nội vụ; trình HĐND Thành phố quyết định chi tiêu biên chế sự nghiệp;

b) Quyết định giao chi tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố sau khi được giao chi tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp;

c) Thực hiện quản lý biên chế, tiền lương, tiền công đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố.

2. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế; thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt và báo cáo Bộ Nội vụ;

b) Trình UBND Thành phố quyết định giao chi tiêu biên chế và thông báo giao chi tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị;

c) Phối hợp Sở Tài chính trong tổ chức triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính; cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố;

d) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện chính sách tiền lương của các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng các biểu mẫu quản lý, sử dụng biên chế, quỹ tiền lương, tiền công của các đơn vị hàng quý và hàng năm phục vụ việc cấp phát, thanh, quyết toán quỹ tiền lương, tiền công của cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc thành phố;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định kế hoạch sử dụng biên chế, quỹ tiền lương, tiền công của các đơn vị theo định kỳ, trình UBND Thành phố phê duyệt;

c) Thường trực giúp UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính; cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố;

d) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện cấp phát tiền lương, tiền công hàng tháng cho cán bộ công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo danh sách đã được duyệt; hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh, quyết toán quỹ tiền lương, tiền công theo quy định hiện hành của Nhà nước; tiến hành thẩm tra quyết toán chi tiêu quỹ tiền lương, tiền công của các cơ quan, đơn vị;

đ) Thực hiện thanh tra, kiểm tra lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ đối với việc quản lý, sử dụng quỹ tiền lương và định mức quỹ tiền công của các đơn vị thuộc thành phố.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố

a) Trước ngày 01 tháng 9 hàng năm, xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm của ngành, địa phương theo định mức biên chế do Nhà nước quy định, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ thẩm định);

b) Sử dụng, quản lý biên chế và quỹ tiền lương, quỹ tiền công được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Thành phố;

c) Hàng quý phê duyệt quỹ tiền lương, tiền công; thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế, quỹ tiền lương của các đơn vị trực thuộc.

Điều 5. Chế độ nâng bậc lương

1. Hàng năm vào tháng 6 và tháng 12, các cơ quan, đơn vị thực hiện xét nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong cơ quan, đơn vị theo quy định tại điều 7 của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn

a) Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện, yêu cầu sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời hạn giữ bậc lương hiện hưởng, được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Hiện chưa hưởng bậc lương cuối cùng trong ngạch mà còn thiếu từ 01 tháng đến 12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn (thời hạn hưởng bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng);

- Các đối tượng được nâng bậc lương trước thời hạn không vượt quá 5 % tổng số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị;

- Các đối tượng được nâng bậc lương trước thời hạn phải được Hội đồng Xét nâng bậc lương của cơ quan, đơn vị nhất trí thông qua.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch; có thông báo chuẩn bị nghỉ hưu (trước 6 tháng) theo quy định của Nhà nước; hoàn thành nhiệm vụ được giao; không bị kỷ luật; còn thiếu từ 01 đến 12 tháng theo quy định để nâng bậc lương thường xuyên thì được nâng một bậc lương trước thời hạn (Thời điểm nâng bậc lương trước thời điểm nghỉ hưu 6 tháng).

3. Các trường hợp nâng bậc lương thường xuyên thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và các Thông tư số 03, 04/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định xếp lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo; nâng bậc lương cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng

1. Chủ tịch UBND Thành phố quyết định

a) Nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp chức vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Thành ủy quản lý; đề nghị Bộ Nội vụ quyết định xếp lương; nâng bậc lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

b) Xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Thành ủy sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Thành ủy (trừ cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương);

c) Xếp lương và bổ nhiệm vào ngạch sau khi có kết quả thi hoặc xét nâng ngạch đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương;

d) Quyết định phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ là cấp trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố.

2. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Thẩm định và trình UBND Thành phố quyết định xếp lương, phụ cấp chức vụ, nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức vụ và chức danh được nêu tại khoản 1 điều này;

b) Quyết định xếp lương các đối tượng hưởng lương ở ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống trong các trường hợp sau:

- Các đối tượng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của quy định này;

- Các đối tượng được tuyển dụng vào công chức, công chức dự bị; thỏa thuận với UBND các quận, huyện, thị xã về xếp lương công chức xã, phường, thị trấn.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã quyết định:

a) Phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ là cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị trực thuộc (trừ các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 điều này);

b) Nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn và nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng hưởng lương ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 điều này);

c) Xếp lương cho viên chức; lao động hợp đồng;

d) Xếp lương công chức xã, phường, thị trấn sau khi có thỏa thuận của Sở Nội vụ.

Chương IV
QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG

Điều 7. Thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức vụ; điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch UBND Thành phố

a) Phê chuẩn kết quả bầu cử các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND cấp quận, huyện, thị xã thuộc thành phố;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với:

- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Thành ủy (sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Thành ủy);

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ là cấp trưởng (kể cả các chức danh là Quyền hoặc Phó phụ trách) các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với

a) Trưởng, phó các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương trực thuộc đơn vị mình;

b) Cấp phó các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân trực thuộc đơn vị mình.

3. Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã phê chuẩn kết quả bầu cử các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND cấp xã, phường, thị trấn; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với Trưởng, phó phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã sau khi có thông báo của Ban thường vụ Quận, Huyện, Thị ủy theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với cấp trưởng, cấp phó các tổ chức trực thuộc đơn vị (trừ một số chức vụ, chức danh được quy định riêng tại các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và Thành phố).

5. Sở Nội vụ hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị hồ sơ nhân sự, thực hiện quy trình theo quy định của Nhà nước, trình UBND Thành phố thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 8. Tuyển dụng công chức, viên chức

1. Chủ tịch UBND Thành phố thống nhất quản lý việc tuyển dụng công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố và trực tiếp thực hiện một số việc sau đây:

a) Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức, công chức dự bị các cơ quan hành chính; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; thành lập Hội đồng Tuyển dụng công chức, công chức dự bị;

b) Quyết định công nhận danh sách thí sinh đạt kết quả thi tuyển công chức, công chức dự bị các cơ quan hành chính và viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố theo đề nghị của Hội đồng Tuyển dụng.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng Tuyển dụng công chức hành chính, công chức dự bị thành phố;

b) Xây dựng hoặc thẩm định kế hoạch tuyển dụng, danh sách thí sinh đạt kết quả thi tuyển công chức, công chức dự bị, viên chức được nêu tại khoản 1 điều này, trình UBND Thành phố phê duyệt;

c) Thẩm định kế hoạch của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã về tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, công chức xã, phường, thị trấn trước khi ban hành;

d) Quyết định công nhận danh sách thí sinh đạt kết quả thi tuyển đối với các đối tượng do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức tuyển dụng;

đ) Quyết định tuyển dụng công chức hành chính, công chức dự bị;

e) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã trong việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp và công chức xã, phường, thị trấn.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ thẩm định; thành lập Hội đồng Tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp không đủ năng lực tổ chức tuyển dụng;

b) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp đủ năng lực tổ chức tuyển dụng;

c) Công nhận danh sách thí sinh đạt kết quả thi tuyển đối với các đối tượng được nêu ở điểm b khoản này; quyết định tuyển dụng đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trình UBND Thành phố (sau khi Sở Nội vụ thẩm định); thành lập Hội đồng Tuyển dụng viên chức;

b) Quyết định tuyển dụng đối với viên chức đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc.

5. Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ thẩm định; thành lập Hội đồng Tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp không đủ năng lực tổ chức tuyển dụng;

b) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp đủ năng lực tổ chức tuyển dụng;

c) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn gửi Sở Nội vụ thẩm định; thành lập Hội đồng Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

d) Công nhận danh sách thí sinh đạt kết quả thi tuyển đối với các đối tượng được nêu ở điểm b, c khoản này; quyết định tuyển dụng đối với viên chức các đơn vị trực thuộc và công chức xã, phường, thị trấn.

6. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã (trừ các đơn vị không đủ năng lực tổ chức tuyển dụng) xây dựng kế hoạch; thành lập Hội đồng Tuyển dụng và tổ chức thi tuyển, xét tuyển viên chức đơn vị mình theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

7. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên được tự chủ việc tuyển dụng viên chức của đơn vị mình theo quyết định giao quyền tự chủ của UBND Thành phố.

Điều 9. Nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức

1. Thẩm quyền cử công chức, viên chức dự thi nâng ngạch

a) Chủ tịch UBND Thành phố cử cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã cử cán bộ, công chức, viên chức dự xét nâng ngạch công chức, viên chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại và bổ nhiệm vào ngạch công chức, viên chức

a) Chủ tịch UBND Thành phố

- Quyết định nâng ngạch, chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch công chức, viên chức đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo do UBND Thành phố quyết định bổ nhiệm (riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Thành ủy, thực hiện sau khi có thông báo

của Ban Thường vụ Thành ủy); cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương;

- Phê duyệt kết quả xét nâng ngạch, chuyển loại từ nhân viên lên cán sự; nhân viên, cán sự lên chuyên viên và tương đương.

b) Giám đốc Sở Nội vụ

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị hồ sơ nhân sự, thực hiện quy trình theo quy định của Nhà nước, trình UBND Thành phố thực hiện thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 điều này;

- Quyết định nâng ngạch, chuyển loại và bổ nhiệm vào ngạch đối với cán bộ, công chức, viên chức ở ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống sau khi UBND Thành phố có quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển; quyết định chuyển ngạch tương đương công chức, viên chức.

Điều 10. Thẩm quyền tiếp nhận, điều động, thuyên chuyển cán bộ, công chức, công chức dự bị, viên chức; cán bộ chuyên trách và công chức xã, phường, thị trấn; ký hợp đồng lao động

1. Chủ tịch UBND Thành phố quyết định tiếp nhận, điều động, thuyên chuyển, biệt phái đối với

a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Thành ủy khi có thông báo của Ban Thường vụ Thành ủy;

b) Cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý cơ quan, đơn vị do UBND Thành phố quyết định bổ nhiệm;

c) Các đối tượng thuộc diện thu hút nhân tài của thành phố Hà Nội.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định

a) Tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác, làm việc tại các cơ quan trung ương và các địa phương khác về công tác, làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố Hà Nội;

b) Tiếp nhận, điều động các đối tượng vào làm việc tại các cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 6 mục I Thông tư số 07/2007/TT-BNV ngày 04/7/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15/01/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về "Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước", gồm có:

- Viên chức đang làm việc ở các đơn vị sự nghiệp nhà nước có thời gian làm việc liên tục từ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên;

- Viên chức đang làm công tác quản lý, lãnh đạo từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp nhà nước có thời gian làm việc liên tục từ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên;

- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn có thời gian làm việc liên tục tại cấp xã từ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên;

- Sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam có thời gian công tác liên tục trong lực lượng vũ trang từ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên;

c) Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị hồ sơ nhân sự, thực hiện quy trình theo quy định của Nhà nước, trình UBND Thành phố thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều này;

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã quyết định

a) Tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội đến làm việc tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc (trừ các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 điều này);

b) Thuyên chuyển cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc ở các cơ quan, đơn vị khác không thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội (trừ các đối tượng được nêu tại khoản 1 điều này). Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã được thành phố cấp kinh phí đào tạo sau đại học ở trong nước và nước ngoài, phải thu hồi kinh phí đào tạo theo quy định tại Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005 của Chính phủ về chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức, nộp về Quỹ Đào tạo của thành phố trước khi quyết định thuyên chuyển;

c) Tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với người lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước và các quy định hiện hành của Nhà nước, của Thành phố (áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị được UBND Thành phố giao biên chế hàng năm).

Điều 11. Chế độ nghỉ hưu, nghỉ việc riêng và thôi việc

1. Cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng quyết định việc nghỉ hưu, nghỉ việc riêng (không hưởng lương hoặc được hưởng lương), thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước và gửi báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp, quản lý.

2. Nghỉ hưu

a) Vào quý 1 hàng năm, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng đến tuổi nghỉ hưu của năm sau báo cáo lên cấp trên trực tiếp;

b) Trước 06 tháng khi cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đủ tuổi nghỉ hưu (nữ tròn 55 tuổi, nam tròn 60 tuổi), cơ quan, đơn vị quản lý, sử

dụng phải thông báo bằng văn bản để cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng biết và chuẩn bị người thay thế; đồng thời xem xét, giải quyết các chế độ, chính sách (nếu có) và làm thủ tục hưởng chế độ hưu cho cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng tại cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Thành phố;

c) Trước 03 tháng đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 điều này ban hành quyết định để cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng được nghỉ công tác, hưởng lương hưu và các chế độ khác tại cơ quan Bảo hiểm Xã hội đúng thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu.

3. Nghỉ việc riêng

Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 điều này quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng nghỉ việc riêng, hưởng lương hoặc không hưởng lương, theo đề nghị của cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại các khoản 1 và 2 điều 9 Pháp lệnh Cán bộ công chức hiện hành.

4. Nghỉ thôi việc theo chế độ bảo hiểm xã hội

a) Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng nghỉ thôi việc theo chế độ bảo hiểm xã hội phải có đơn xin nghỉ việc gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 01 tháng (30 ngày), kể từ ngày nhận được đơn xin nghỉ việc của cá nhân, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền có văn bản để cá nhân được nghỉ thôi việc theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Chấm dứt hợp đồng lao động

Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng lao động theo thẩm quyền được giao thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước (trừ trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc), sau đó gửi báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

Điều 12. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng

1. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã quản lý hồ sơ gốc của cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) các đơn vị trực thuộc.

2. Sở Nội vụ quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo do UBND Thành phố quyết định bổ nhiệm (trừ các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Thành ủy và các đối tượng quy định tại khoản 1 điều này).

3. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã quy định việc quản lý hồ sơ gốc của cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của các đơn vị trực thuộc.

4. Hàng năm, cơ quan quản lý hồ sơ yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng bổ sung hồ sơ theo quy định.

Điều 13. Chế độ báo cáo, thống kê

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã có trách nhiệm báo cáo thống kê về số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của cơ quan, đơn vị theo các biểu mẫu quy định với UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ để tổng hợp) vào tháng 5 và tháng 10 hàng năm.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Xây dựng các biểu mẫu, hướng dẫn công tác báo cáo thống kê về quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố;

b) Tổng hợp báo cáo thống kê số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của các cơ quan, đơn vị trình UBND Thành phố phê chuẩn và báo cáo Bộ Nội vụ theo định kỳ vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định báo cáo, thống kê về công tác quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG

Điều 14. Khen thưởng

Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ, thi hành công vụ thì được xét khen thưởng theo các quy định hiện hành và phân cấp thẩm quyền quyết định khen thưởng của Nhà nước và của Thành phố.

Điều 15. Kỷ luật

Việc kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành. Đối với các đối tượng được quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 2003, có văn bản hướng dẫn riêng. Đối với đối tượng là lao động hợp đồng, việc xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Điều 16. Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng Kỷ luật cán bộ, công chức (kể cả công chức dự bị, công chức cơ sở), viên chức và lao động hợp đồng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân, trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên

chức quyết định thành lập. Hội đồng Kỷ luật thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho người có thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật về việc áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp với mức độ vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng. Hội đồng Kỷ luật làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Số lượng thành viên Hội đồng Kỷ luật gồm

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp với cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa có tổ chức Công đoàn thì đại diện Công đoàn cấp trên một cấp là Ủy viên Hội đồng;

c) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện cán bộ, công chức, viên chức của bộ phận công tác có người vi phạm kỷ luật (do tập thể cán bộ, công chức, viên chức ở bộ phận đó cử ra);

d) Một Ủy viên Hội đồng là người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm kỷ luật;

đ) Một Ủy viên Hội đồng là người phụ trách tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có người vi phạm.

3. Đối với các đơn vị có quy mô nhỏ, không đủ số lượng thành viên tham gia Hội đồng Kỷ luật theo quy định tại khoản 2 điều này, thì số lượng thành viên Hội đồng Kỷ luật gồm

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị;

b) Một Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp với cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa hình thành tổ chức Công đoàn thì đại diện Công đoàn cấp trên một cấp là Ủy viên Hội đồng;

c) Một Ủy viên Hội đồng là người trực tiếp quản lý hành chính và chuyên môn nghiệp vụ của người vi phạm kỷ luật.

4. Trường hợp người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm kỷ luật thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp quyết định thành lập Hội đồng Kỷ luật gồm các thành viên sau

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp;

b) Một Ủy viên là đại diện Đảng ủy cấp trên trực tiếp của Đảng ủy cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Một Ủy viên là đại diện Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật

1. Khi cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng vi phạm kỷ luật, Hội đồng Kỷ luật của cơ quan, đơn vị đề xuất hình thức kỷ luật, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp đề xuất hình thức kỷ luật của Hội đồng Kỷ luật khác với đề xuất hình thức kỷ luật của cấp có thẩm quyền quyết định, sau khi đã trao đổi, thảo luận vẫn không thống nhất, thì cấp có thẩm quyền sẽ quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Chủ tịch UBND Thành phố quyết định hình thức kỷ luật

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo do Thành phố ký quyết định bổ nhiệm có hành vi vi phạm kỷ luật (riêng đối với các chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Thành ủy thì phải có thông báo của Ban Thường vụ Thành ủy);

b) Hạ ngạch đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương có vi phạm kỷ luật;

c) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương có vi phạm kỷ luật với hình thức hạ bậc lương, hạ ngạch, buộc thôi việc.

3. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định hình thức kỷ luật hạ ngạch đối với cán bộ, công chức, viên chức có vi phạm kỷ luật (trừ các đối tượng được nêu tại khoản 2 điều này).

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ các trường hợp được quy định tại khoản 2, khoản 3 điều này). Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký quyết định kỷ luật, đơn vị gửi 01 bản quyết định kỷ luật về Sở Nội vụ.

5. Đối với hình thức kỷ luật cách chức do cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ hoặc chức danh đó quyết định.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết.

Điều 19. Trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra

Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *th*

